

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2020/DS-ST

Ngày: 23 - 12 - 2020.

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Trung;

2. Ông Lý Khắc Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST/DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp BP, xã BC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980, có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983, có mặt;

Nơi cư trú: Ấp BC, xã BM, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Vào khoảng năm 2012 ông T, bà N có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông để mua phân bón và thuốc trừ sâu theo mùa vụ, lãi suất là 1,5%, sau mỗi vụ ông T, bà N phải thanh toán tiền vốn, tiền lãi cho ông, ông T là người trực tiếp mua phân bón và thuốc trừ sâu, diện tích canh tác là 100 công tầm cắt. Tính đến ngày 13/9/2016 tổng số tiền ông T, bà N thiếu ông là 116.000.000 đồng, ông

T, bà N có làm biên nhận ngày 13/9/2016. Sau một thời gian ông T, bà N có trả cho ông được 02 lần là 10.000.000 đồng (mỗi lần 5.000.000 đồng). Hiện tại ông T, bà N còn thiếu lại 106.000.000 đồng. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T, bà N trả tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ ông là 106.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13/9/2016 cho đến khi trả dứt nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/8/2020, bị đơn ông T, bà N trình bày: ông, bà thừa nhận có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông Q để mua phân bón thuốc trừ sâu. Tính đến ngày 13/9/2016 vợ chồng ông, bà (T, N) có thiếu của ông Q tổng số tiền 116.000.000 đồng. Nhưng thời gian sau (không nhớ rõ ngày tháng trả) vợ chồng ông, bà có trả ông Q được 02 lần là 10.000.000 đồng. Hiện tại còn thiếu của ông Q lại số tiền 106.000.000 đồng. Vợ chồng ông, bà thừa nhận còn nợ lại tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông Q là 106.000.000 đồng. Ông, bà thống nhất trả cho ông Q 106.000.000 đồng, nhưng xin không trả lãi vì hiện tại gia đình của ông, bà kinh tế rất khó khăn nên không có khả năng trả thêm tiền lãi.

Tại phiên tòa:

Ông Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông T, bà N trả tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ ông là 106.000.000 đồng, ông đồng ý không yêu cầu tính lãi.

Ông T, bà N thừa nhận còn nợ ông Q 106.000.000 đồng, xin không trả lãi và xin được trả dần mỗi vụ 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Tại phiên tòa các bên đều thống nhất có mua bán phân bón, thuốc trừ sâu. Sau khi chốt nợ ông T, bà N còn thiếu ông Q 116.000.000 đồng. Các bên có lập biên nhận ngày 13/9/2016 để xác định số nợ là 116.000.000 đồng, các bên thỏa thuận ông T, bà N sẽ tiếp tục thanh toán cho ông Q mỗi mùa vụ là 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Sự thỏa thuận này là phù hợp pháp luật nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Tuy nhiên, theo thừa nhận của các bên thì ông T và bà N chỉ thực hiện trả được 02 lần là 10.000.000 đồng, lần trả sau cùng là vào ngày 28/9/2017. Từ đó cho đến nay ông bà không có trả cho ông Q do hoàn cảnh khó khăn. Như vậy, ông T, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ông Q theo như thỏa thuận nên ông Q khởi kiện yêu cầu ông

T, bà N thành toán số nợ còn lại là 106.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi, tại phiên tòa ngày hôm nay ông Q đồng ý không tính lãi đối với ông T, bà N. Đây là sự tự nguyện của ông phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Yêu cầu không tính lãi là sự thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Đối với yêu cầu xin trả dần số nợ 106.000.000 đồng của ông T, bà N là mỗi năm trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Yêu cầu này không được ông Q chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét

[2.3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị buộc thanh toán (106.000.000 đồng) là **5.300.000 đồng**.

Ông Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông Q được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **Điều 227**, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 388, Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q:

Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ lại là 106.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị N phải liên đới chịu **5.300.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Q được nhận lại 2.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006237 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Vũ